

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ TƯ PHÁP



SỔ TAY ĐIỆN TỬ NGHIỆP VỤ

VỀ CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP



— An Giang, tháng 10 năm 2026 —

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
PHẦN NỘI DUNG	5
I: MỘT SỐ CÂU HỎI NGHIỆP VỤ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	5
Câu hỏi 1: Phân biệt sự khác nhau giữa Giám định viên tư pháp và Người giám định tư pháp theo vụ việc?	5
Câu hỏi 2. Phân biệt trình tự thủ tục miễn nhiệm Giám định viên tư pháp và Hủy bỏ công nhận Người giám định tư pháp theo vụ việc?	6
Câu hỏi 3. Vai trò của Sở Tư pháp trong hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp?	7
Câu hỏi 4. Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp?	8
Câu hỏi 5: Hội đồng giám định tư pháp gồm những ai?	9
Câu hỏi 6: Quy trình họp và đưa ra kết luận của Hội đồng giám định tư pháp diễn ra như thế nào?	10
Câu hỏi 7: Xử lý khi có mâu thuẫn trong kết luận giám định?	11
Câu hỏi 8: Quyền bảo lưu ý kiến có ảnh hưởng kết luận chung?	12
Câu hỏi 9: Làm sao để đánh giá kết luận giám định tư pháp?	12
Câu hỏi 10: Trình tự, thủ tục thực hiện chi trả tiền bồi dưỡng giám định cho người giám định tư pháp theo vụ việc?	14
II: TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT THỰC TIỄN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	15
Tình huống 1: Trình tự, thủ tục bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp tại địa phương	15
Tình huống 2: Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên.....	17
Tình huống 3: Rà soát tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc	18
Tình huống 4: Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập và đăng ký hoạt động hoạt động Văn phòng Giám định tư pháp.....	19
Tình huống 5: Công nhận tổ chức giám định tư pháp để đáp ứng nhu cầu thực tế...20	
Tình huống 6: Việc thuê khoán chuyên gia, tổ chức chuyên môn ngoài khu vực nhà nước trong hoạt động giám định tư pháp	21
Tình huống 7. Giải quyết vướng mắc khi thực hiện mô tả thi pháp y nhưng gia đình nạn nhân cản trở	22

Tình huống 8: Trường hợp nội dung cần giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp.....	23
Tình huống 9: Thời thời hạn giám định.....	24
Tình huống 10: Yêu cầu ghi nhận kịp thời quá trình giám định.....	26
III: LUẬT VÀ CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH HƯỚNG DẪN LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	28
PHẦN KẾT LUẬN	30
Danh sách	32
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	32
.....	32
A. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP	32
B. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC	33
D. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC	82
Tổng số: 05 tổ chức giám định và 260 Giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc, cụ thể:	106

PHẦN MỞ ĐẦU

Sự ra đời của *Sổ tay nghiệp vụ giám định tư pháp* xuất phát từ đòi hỏi khách quan trong việc nâng cao kiến thức pháp lý và chuẩn hóa hoạt động chuyên môn, trực tiếp phục vụ công tác tổ tụng giải quyết các vụ án, vụ việc, vụ án liên quan tham nhũng kinh tế trên địa bàn tỉnh An Giang. Hoạt động giám định tư pháp đóng vai trò nền tảng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án hình sự, nơi kết luận giám định được định vị là cơ sở khoa học trọng yếu để cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh tội phạm. Nhằm hiện thực hóa mục tiêu này, tài liệu được chủ động biên soạn với yêu cầu phải thật sự ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, đảm bảo cung cấp kịp thời những quy định pháp luật hiện hành cho các Sở, ban, ngành, đội ngũ giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương. Một trong những trọng tâm cốt lõi là việc chuẩn hóa kỹ năng tiếp nhận trung cầu, xử lý thông tin và ban hành kết luận giám định tư pháp tại các cơ quan chuyên môn, gắn liền với nguyên tắc người thực hiện giám định phải chịu trách nhiệm nghiêm ngặt trước pháp luật về kết luận do chính mình đưa ra. Quá trình biên soạn, in ấn và phát hành được định hướng kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo số lượng ấn phẩm tiếp cận đúng đối tượng thụ hưởng. Do đó, tài liệu này vượt lên trên một cẩm nang tra cứu thuần túy để trở thành công cụ pháp lý sắc bén, giúp đội ngũ giám định viên thực thi nhiệm vụ một cách thận trọng, chính xác và tuân thủ tuyệt đối quy định pháp luật.

Để bao quát trọn vẹn các yêu cầu khắt khe của thực tiễn tố tụng, nội dung của *Sổ tay* được cấu trúc xoay quanh ba trụ cột pháp lý và thực hành chuyên sâu. Trụ cột ban đầu tập trung giới thiệu sơ lược về những điểm mới của Luật Giám định tư pháp Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 (sau đây gọi tắt Luật Giám định tư pháp), đạo luật chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2026. Trụ cột tiếp theo đi sâu vào phân tích một số tình huống pháp lý điển hình về giám định tư pháp. Trụ cột cuối cùng dành giới thiệu tất cả những văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/5/2026. Cấu trúc nội dung đan xen giữa lý luận luật định và thực tiễn công tác giám định đảm bảo người đọc có thể nắm bắt bức tranh toàn cảnh một cách có hệ thống và logic.

Tính hiệu quả của hệ thống khung pháp lý tổng quan không tự nhiên hiện hữu mà đòi hỏi một sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn chuyên môn trong từng khâu tác nghiệp. Pháp luật hiện hành đã thiết lập các nguyên tắc cốt lõi, yêu cầu người thực hiện giám định tư pháp phải tuân thủ tuyệt đối trình tự, thủ tục, phương pháp khoa học, cũng như bảo đảm tính độc lập, khách quan, vô tư trong suốt quá trình đánh giá đối tượng giám định. Sự phối hợp đồng bộ và thận trọng giữa cơ quan tiến hành tố tụng trung ương, địa phương cùng các tổ chức giám định là yếu tố tiên quyết để bảo đảm nguồn kinh phí, trang thiết bị và tháo gỡ các rào cản trong khâu tiếp nhận trung cầu.

Sổ tay nghiệp vụ giám định tư pháp này, thông qua việc hệ thống hóa các quy định từ luật định đến các văn bản hướng dẫn chuyên ngành, cam kết mang lại một nền tảng tư duy pháp lý vững chắc và chủ động cho những người làm công tác thực tiễn. Từ nền tảng mang tính định hướng này, việc đi sâu vào phân tích hệ thống tổ chức và các quy chuẩn nghiệp vụ cụ thể sẽ mở ra góc nhìn toàn diện hơn về thực tiễn triển khai công tác giám định tư pháp.

PHẦN NỘI DUNG

I: MỘT SỐ CÂU HỎI NGHIỆP VỤ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Câu hỏi 1: Phân biệt sự khác nhau giữa Giám định viên tư pháp và Người giám định tư pháp theo vụ việc?

Trả lời: Căn cứ quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2025 và Nghị định số 177/2026/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn chuyên ngành, Giám định viên tư pháp và Người giám định tư pháp theo vụ việc đều là Người giám định tư pháp đều là hoạt động sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để đưa ra kết luận chuyên môn phục vụ hoạt động tố tụng. Tuy nhiên, giữa hai chức danh này có sự phân biệt rõ ràng về địa vị pháp lý, tiêu chuẩn, hình thức quản lý, thẩm quyền ban hành quyết định và phạm vi hoạt động. Cụ thể như sau:

Tiêu chí phân biệt	Giám định viên tư pháp	Người giám định tư pháp theo vụ việc
1. Khái niệm / Địa vị pháp lý	Là người đủ tiêu chuẩn theo quy định, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp.	Là người đủ tiêu chuẩn theo quy định, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được người trung cầu giám định trung cầu trong trường hợp đặc biệt.
2. Hình thức văn bản quản lý	Được ban hành Quyết định bổ nhiệm.	Được ban hành Quyết định công nhận.
3. Yêu cầu về Trình độ đào tạo	Bắt buộc phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực bổ nhiệm.	Ưu tiên có trình độ đại học trở lên. Ngoại lệ: Người không có bằng đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn vẫn có thể được lựa chọn, công nhận.
4. Chứng chỉ / Khóa bồi dưỡng	Bắt buộc phải hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp.	Không bắt buộc có chứng chỉ/khóa bồi dưỡng trước khi công nhận (chủ yếu dựa vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn đang công tác).
5. Cấp Thẻ giám định viên	Được cấp Thẻ giám định viên tư pháp cùng với quyết định bổ nhiệm.	Không được cấp Thẻ giám định viên tư pháp.

6. Tính chất /Tần suất hoạt động	Hoạt động mang tính thường xuyên, lâu dài gắn với chức danh tư pháp được bổ nhiệm.	Hoạt động theo từng vụ việc cụ thể khi được công nhận trong danh sách hoặc khi có quyết định trưng cầu.
7. Quyền thành lập / Điều hành Văn phòng giám định tư pháp	Có quyền thành lập hoặc làm Trưởng văn phòng giám định tư pháp (khi có đủ từ 03 năm kinh nghiệm giám định).	Không có quyền thành lập hoặc làm Trưởng văn phòng giám định tư pháp.
8. Cơ chế hủy bỏ / Chấm dứt chức danh	Bị Miễn nhiệm và thu hồi thẻ theo thủ tục quy định.	Bị Hủy bỏ công nhận theo thủ tục quy định

Câu hỏi 2. Phân biệt trình tự thủ tục miễn nhiệm Giám định viên tư pháp và Hủy bỏ công nhận Người giám định tư pháp theo vụ việc?

Trả lời: Căn cứ quy định khoản 4 Điều 10, khoản 7 Điều 14 Luật Giám định tư pháp năm 2025 và Nghị định số 177/2026/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn chuyên ngành, việc miễn nhiệm Giám định viên tư pháp và hủy bỏ công nhận Người giám định tư pháp theo vụ việc đều là thủ tục hành chính nhằm chấm dứt tư cách thực hiện giám định tư pháp của cá nhân khi không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc theo nguyện vọng cá nhân.

Tuy nhiên, hai thủ tục này có sự khác biệt căn bản về đối tượng áp dụng, bản chất pháp lý, hậu quả pháp lý đi kèm và cơ chế bổ nhiệm/công nhận lại

Tiêu chí phân biệt	Miễn nhiệm	Hủy bỏ công nhận
1. Đối tượng áp dụng	Giám định viên tư pháp (người đã được bổ nhiệm chính thức và cấp thẻ).	Người giám định tư pháp theo vụ việc (và Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc).
2. Bản chất pháp lý	Bãi bỏ/chấm dứt chức danh tư pháp đã được bổ nhiệm chính thức.	Chấm dứt tư cách được ghi tên trong danh sách công nhận thực hiện giám định theo vụ việc.
3. Hậu quả pháp lý bắt buộc đi kèm	Bắt buộc đi kèm việc thu hồi Thẻ giám định viên tư pháp và xóa tên khỏi danh sách công bố.	Không có Thẻ để thu hồi; chỉ ban hành Quyết định hủy bỏ công nhận và xóa/điều chỉnh tên khỏi danh sách công bố.
4. Các trường hợp	Mất/không còn làm việc tại cơ quan/đơn vị hoặc Văn phòng giám định tư pháp	Không còn đủ tiêu chuẩn/trình độ chuyên môn; chuyển đổi vị trí công tác

áp dụng đặc thù	trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bổ nhiệm; bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc vi phạm hành vi cấm.	không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được công nhận; hoặc theo nguyện vọng cá nhân.
5. Cơ chế phục hồi/trở lại hoạt động	Thực hiện theo thủ tục Bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp (Luật quy định rõ các trường hợp, thời hạn 12 tháng hoặc 03 năm mới được xem xét bổ nhiệm lại).	Thực hiện theo thủ tục Công nhận mới/công nhận lại khi lý do bị hủy bỏ không còn và cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn.
6. Văn bản/Biểu mẫu quyết định	Ban hành Quyết định về việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp (Mẫu TP-GĐTP-17).	Ban hành Quyết định về việc hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc (Mẫu TP-GĐTP-20).

Câu hỏi 3. Vai trò của Sở Tư pháp trong hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp?

Trả lời: Trong hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp, Sở Tư pháp đóng vai trò là cơ quan đầu mối, tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước thống nhất đối với toàn bộ tổ chức và hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn địa phương.

Các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Sở Tư pháp trong công tác này được pháp luật quy định bao gồm:

a) Quản lý đội ngũ người giám định tư pháp và tổ chức giám định theo vụ việc

Thủ tục về Giám định viên tư pháp: Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh rà soát, thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương; đồng thời giúp Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện cấp, cấp lại và thu hồi Thẻ giám định viên tư pháp.

Công nhận người và tổ chức giám định theo vụ việc: Phối hợp với các sở, ngành chuyên môn rà soát, lựa chọn để trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận hoặc hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương.

Đăng tải và quản lý danh sách: Rà soát, lập và cập nhật công khai danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và đồng bộ dữ liệu vào danh sách chung trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

b) Quản lý các tổ chức giám định tư pháp tại địa phương

Đối với tổ chức giám định tư pháp công lập: Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan xây dựng đề án trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn Trung tâm Pháp y cấp tỉnh.

Đối với Văn phòng giám định tư pháp (khu vực ngoài công lập):

Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập hoặc thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

Trực tiếp thụ lý hồ sơ, phê duyệt Đề án thành lập, cấp, cấp lại, thay đổi nội dung và thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn theo dõi, giúp UBND cấp tỉnh quản lý hoạt động vận hành của Văn phòng giám định tư pháp; xử lý việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực, chuyển đổi loại hình, tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động.

c) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ

Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành chuyên môn ở địa phương tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp cho đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc.

d) Thống kê, đánh giá chất lượng, báo cáo và khen thưởng

Thống kê và đánh giá chất lượng: Hằng năm, chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành thống kê, đánh giá chất lượng tổ chức và hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn.

Báo cáo định kỳ: Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở địa phương để báo cáo UBND cấp tỉnh và Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 12 hằng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Tham mưu giải pháp và khen thưởng: Đề xuất các giải pháp nâng cao số lượng, chất lượng lực lượng giám định đáp ứng nhu cầu tổ tụng tại địa phương; đề xuất UBND cấp tỉnh hoặc Bộ Tư pháp khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc.

đ) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trực tiếp thực hiện kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức và hoạt động giám định tư pháp tại địa phương theo thẩm quyền quản lý hành chính - tư pháp.

Phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành quản lý chuyên môn ở Trung ương trong các đợt kiểm tra, thanh tra liên ngành đối với hoạt động giám định tư pháp tại địa phương.

Câu hỏi 4. Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp?

Trả lời: Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp (nhằm phục vụ công tác giám định trong trường hợp phục vụ cho việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật tố tụng; khi có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung cần giám định mà người trưng cầu giám định quyết định tiếp tục giám định lại lần thứ hai, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Giám định tư pháp) được hệ thống pháp luật phân định rõ ràng, gắn liền với chức năng quản lý nhà nước của từng cơ quan. Căn cứ theo quy định của Luật Giám định tư pháp, khi nhận được văn bản trưng cầu giám định, thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Hội đồng này trực tiếp thuộc về Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Cơ chế phân quyền này được áp dụng xuyên suốt và cụ thể hóa trong từng lĩnh vực chuyên ngành chuyên sâu. Đối với các vụ việc ở cấp trung ương, Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý trực tiếp lĩnh vực chuyên môn có nội dung cần giám định sẽ là chủ thể ra quyết định thiết lập Hội đồng. Điển hình như trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, Hội đồng cấp trung ương sẽ do chính Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Tương tự, đối với lĩnh vực tư pháp, thẩm quyền này thuộc về Bộ trưởng Bộ Tư pháp dựa trên sự phối hợp lựa chọn nhân sự từ các đơn vị chuyên môn và Cục Bổ trợ tư pháp.

Bên cạnh đó, đối với những vụ việc phát sinh và được giải quyết tại địa phương, quyền năng lập thiết chế giám định đặc biệt này được trao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quá trình này thường được thực hiện thông qua sự tham mưu, rà soát và trình hồ sơ của thủ trưởng các cơ quan chuyên môn (như Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, hội hợp với Sở Tư pháp lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương phù hợp với nội dung trưng cầu giám định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ) cấp tỉnh nhằm lựa chọn những thành viên phù hợp nhất. Việc minh định rõ thẩm quyền thành lập Hội đồng không chỉ bảo đảm sự tương thích tuyệt đối về mặt chuyên ngành khoa học mà còn xác lập chặt chẽ trách nhiệm pháp lý của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo chứng cho tư cách pháp lý của Hội đồng trước cơ quan tiến hành tố tụng.

Câu hỏi 5: Hội đồng giám định tư pháp gồm những ai?

Trả lời: Theo quy định của pháp luật, Hội đồng giám định tư pháp được thành lập để thực hiện giám định lại trong trường hợp đặc biệt (hay thường được gọi là Hội đồng giám định tư pháp đặc biệt) có thành phần và tiêu chuẩn nhân sự vô cùng khắt khe nhằm

đưa ra phán quyết chuyên môn mang tính tối hậu. Cụ thể, hội đồng này bao gồm những thành viên đáp ứng các điều kiện sau:

Về số lượng và chất lượng chuyên môn: Hội đồng giám định tư pháp phải bao gồm ít nhất 03 thành viên. Những thành viên được lựa chọn bắt buộc phải là những chuyên gia có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần tiến hành giám định.

Về tính độc lập và khách quan (Thành viên hoàn toàn mới): Để bảo đảm tính vô tư và triệt tiêu mọi sự thiên kiến, việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt phải do một Hội đồng mới thực hiện. Pháp luật nghiêm cấm những người đã tham gia vào các quá trình giám định trước đó (trong cùng một vụ án) được phép tham gia vào Hội đồng giám định lại này.

Về mặt thẩm quyền và nguyên tắc hoạt động, việc trưng cầu Hội đồng này thuộc quyền quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định trước đó nhưng vẫn cần xem xét lại. Khi tiếp nhận yêu cầu, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ là người trực tiếp ra quyết định thành lập Hội đồng.

Trong quá trình làm việc, Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Bản kết luận giám định lại của Hội đồng trong trường hợp này mang giá trị pháp lý rất cao và được cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng làm căn cứ chính thức để giải quyết vụ án. Nếu người thực hiện giám định có ý kiến khác với số đông thì vẫn được quyền bảo lưu ý kiến cá nhân của mình trong bản kết luận giám định.

Câu hỏi 6: Quy trình họp và đưa ra kết luận của Hội đồng giám định tư pháp diễn ra như thế nào?

Trả lời: Căn cứ Điều 34 Nghị định số 177/2026/NĐ-CP ngày 19/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp thì “*Hội đồng giám định tư pháp có thể họp một hoặc nhiều phiên tùy theo tính chất, mức độ phức tạp của nội dung giám định; phiên họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Hội đồng tham dự; Hội đồng giám định tư pháp thảo luận tập thể, kết luận theo đa số trên cơ sở ý kiến chuyên môn của các thành viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.*” Sự đồng thuận này không mang tính áp đặt cơ học mà phải được kết tinh trên cơ sở tổng hợp ý kiến chuyên môn độc lập của từng thành viên tham gia phân tích mẫu vật, hồ sơ. Bằng việc thiết lập cơ chế thảo luận tập thể, hệ thống pháp luật mong muốn triệt tiêu những sai sót cá nhân, tạo ra một màng lọc khoa học vững chắc để đưa ra bản kết luận giám định chính xác và khách quan nhất.

Song song với nguyên tắc đa số, cơ chế hoạt động của Hội đồng cũng thiết lập một hành lang pháp lý nhằm bảo vệ tính độc lập trong tư duy khoa học của từng chuyên gia

thông qua quyền bảo lưu ý kiến. Trường hợp thành viên thực hiện giám định có quan điểm chuyên môn khác biệt so với kết luận chung của đa số, cá nhân này hoàn toàn có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Đặc biệt, sự bất đồng quan điểm này không bị triệt tiêu mà bắt buộc phải được thể hiện rõ ràng bằng văn bản và trở thành một bộ phận cấu thành không thể tách rời của bản kết luận giám định tư pháp. Mọi nội dung thảo luận, quan điểm phân tích và kết quả biểu quyết tại các phiên họp Hội đồng đều phải được lập thành biên bản chi tiết, có đầy đủ chữ ký xác nhận của các thành viên tham dự. Sự tôn trọng tuyệt đối đối với các góc nhìn chuyên môn đa chiều này không chỉ bảo vệ sự liêm chính khoa học của chuyên gia có ý kiến thiểu số mà còn cung cấp thêm cơ sở dữ liệu quan trọng để cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá toàn diện chứng cứ.

Câu hỏi 7: Xử lý khi có mâu thuẫn trong kết luận giám định?

Trả lời: Điều 16 Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư quy định về trưng cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự quy định:

“1. Mâu thuẫn giữa kết luận giám định và các chứng cứ khác

Trường hợp kết luận giám định có mâu thuẫn với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không được loại trừ các chứng cứ khác để sử dụng kết luận giám định hoặc ngược lại.

Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thực hiện các hoạt động tố tụng cần thiết như đối chất, thực nghiệm điều tra, thu thập bổ sung chứng cứ hoặc trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các kết luận giám định khác nhau về cùng một nội dung, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, đánh giá và quyết định việc sử dụng kết luận giám định trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật Giám định tư pháp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp mâu thuẫn không thể được làm rõ, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng quyết định trưng cầu giám định lại, giám định Hội đồng theo quy định của pháp luật.

Việc lựa chọn và sử dụng kết luận giám định trong trường hợp có nhiều kết luận giám định phải bảo đảm tuân thủ nguyên tắc đánh giá chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.”

Câu hỏi 8: Quyền bảo lưu ý kiến có ảnh hưởng kết luận chung?

Trả lời: Quyền bảo lưu ý kiến không làm thay đổi hoặc phủ quyết kết luận chung của tổ chức giám định hay Hội đồng giám định tư pháp, bởi lẽ kết luận chung luôn được thông qua dựa trên nguyên tắc quyết định theo đa số.

Tuy nhiên, quyền bảo lưu ý kiến lại mang giá trị pháp lý rất quan trọng trong quá trình đánh giá chứng cứ với các đặc điểm sau:

Thứ nhất, tôn trọng tính độc lập chuyên môn: Trong trường hợp giám định do tổ chức thực hiện mà có ý kiến chuyên môn khác nhau, người đứng đầu phải tổ chức họp để thống nhất; nếu chuyên gia vẫn có quan điểm khác với kết luận chung (của đa số), họ hoàn toàn có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Thứ hai, phải được ghi nhận chính thức: Pháp luật tố tụng hình sự và Luật Giám định tư pháp quy định nghiêm ngặt rằng người giám định có quyền ghi riêng ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận chung nếu không thống nhất với quan điểm của tập thể,.

Thứ ba, trở thành chứng cứ đính kèm hợp pháp: Ý kiến bảo lưu này không bị loại bỏ mà bắt buộc phải được thể hiện rõ trong bản kết luận giám định và được pháp luật công nhận là một bộ phận cấu thành của kết luận giám định.

Như vậy, dù không định đoạt kết quả của đa số, việc bảo lưu ý kiến giúp lưu vết sự bất đồng quan điểm chuyên môn, từ đó cung cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng một góc nhìn đa chiều, khách quan và toàn diện hơn khi sử dụng bản kết luận giám định làm chứng cứ định tội hoặc giải quyết vụ án.

Câu hỏi 9: Làm sao để đánh giá kết luận giám định tư pháp?

Trả lời: Đánh giá kết luận giám định tư pháp là một thao tác tư duy pháp lý trọng yếu của cơ quan tiến hành tố tụng, nhằm chuyển hóa một nhận định chuyên môn thành nguồn chứng cứ hợp pháp. Dưới góc độ tố tụng hình sự, mỗi chứng cứ thu thập được bắt buộc phải trải qua quá trình kiểm tra, đánh giá toàn diện để xác định tính hợp pháp, tính xác thực và tầm quan trọng đối với việc giải quyết vụ án. Bản chất của hoạt động giám định tư pháp chính là việc vận dụng các kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ để giải mã các uẩn khúc chuyên môn. Do đó, việc thẩm định tính khoa học của kết luận không dựa trên cảm quan chủ quan mà phải được đo lường bằng hệ quy chiếu pháp lý kỹ thuật khắt khe.

Căn cứ Điều 14 Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC việc đánh giá kết luận giám định tư pháp được thực hiện trên các phương diện sau đây:

“1. Đánh giá tính hợp pháp

a) Thẩm quyền trưng cầu giám định, quyền yêu cầu giám định hoặc căn cứ chấp nhận yêu cầu giám định;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện của tổ chức, người giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp;

c) Trình tự, thủ tục trưng cầu, yêu cầu và thực hiện giám định; thời hạn thực hiện giám định;

d) Việc thu thập, bảo quản, niêm phong, giao, nhận và quản lý đối tượng giám định theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá tính chính xác, khách quan

a) Cơ sở khoa học, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn được áp dụng.

Đối với lĩnh vực giám định chưa có quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn thì đánh giá dựa trên phương pháp giám định tối ưu và có giải trình hợp lý;

b) Điều kiện tiến hành giám định và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến kết quả giám định;

c) Sự phù hợp, thống nhất giữa kết quả phân tích, kiểm tra, thực nghiệm với nội dung nhận xét và kết luận giám định.

Trường hợp kết luận giám định thiếu căn cứ khoa học, không rõ ràng, mâu thuẫn hoặc không thể kiểm chứng, thì không được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

3. Đánh giá tính liên quan, toàn diện

a) Kết luận giám định phải được xem xét, đánh giá trong mối liên hệ với toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự, bao gồm lời khai, vật chứng, dữ liệu điện tử, biên bản tố tụng và các tài liệu khác có liên quan;

b) Không được tách rời kết luận giám định khỏi hệ thống chứng cứ; trường hợp kết luận giám định có mâu thuẫn với các chứng cứ khác thì phải làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.”

Câu hỏi 10: Trình tự, thủ tục thực hiện chi trả tiền bồi dưỡng giám định cho người giám định tư pháp theo vụ việc?

Trả lời: Luật Giám định tư pháp năm 2025, Quyết định số 08/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 22/2026/QĐ-TTg và Thông tư số 85/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định trình tự, thủ tục thực hiện chi trả tiền bồi dưỡng giám định cho người giám định tư pháp theo vụ việc, như sau:

1. Nguyên tắc và nguồn kinh phí chi trả

Đối với trung cầu trong án hình sự / tố tụng do Nhà nước bảo đảm: Kinh phí chi trả bồi dưỡng do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán hằng năm của cơ quan, đơn vị nhà nước cử/thực hiện giám định (hoặc cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu).

Đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính (trung cầu theo yêu cầu đương sự): Chi phí bồi dưỡng do đương sự nộp tạm ứng và chi trả theo quy định của pháp luật tố tụng.

Hình thức thực hiện: Áp dụng theo hình thức Tạm ứng khi giao nhiệm vụ và Thanh quyết toán hoàn tất sau khi phát hành Kết luận giám định.

2. Trình tự 5 bước thực hiện chi trả

Bước 1: Lập dự toán chi phí và gửi đề nghị tạm ứng ngay khi tiếp nhận Quyết định trung cầu và chuẩn bị thực hiện giám định, cơ quan/đơn vị quản lý người giám định tư pháp theo vụ việc (hoặc cá nhân người giám định) tiến hành lập Dự toán chi phí và Hồ sơ đề nghị tạm ứng kinh phí bồi dưỡng gửi cơ quan trung cầu giám định.

Nội dung dự toán nêu rõ: Số lượng người thực hiện, dự kiến thời gian/ngày công làm việc, tính chất phức tạp, yếu tố độc hại hoặc nguy hiểm (nếu có).

Bước 2: Thực hiện tạm ứng tiền bồi dưỡng

Cơ quan trung cầu giám định (hoặc cơ quan/đơn vị cử người thực hiện) có trách nhiệm xem xét, duyệt dự toán và thực hiện tạm ứng tiền bồi dưỡng giám định cho người giám định tư pháp theo vụ việc khi giao nhiệm vụ.

Thủ tục tạm ứng qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành về rút tạm ứng ngân sách nhà nước.

Bước 3: Thực hiện giám định và ghi nhận thời gian làm việc thực tế

Trong quá trình thực hiện chuyên môn, người giám định tư pháp theo vụ việc bắt buộc phải lập Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định (nhật ký công việc).

Văn bản này phải thể hiện chi tiết: Số giờ/ngày công nghiên cứu hồ sơ, thu thập mẫu, thực nghiệm, họp hội chẩn; thời gian làm việc ngoài giờ, ngày nghỉ, ngày lễ/tết; tính chất

môi trường làm việc đặc thù (nguồn bệnh, hóa chất, chất phóng xạ...) để làm căn cứ tính mức bồi dưỡng.

Bước 4: Lập hồ sơ đề nghị thanh toán tiền bồi dưỡng

Sau khi hoàn thành việc giám định và phát hành bản Kết luận giám định tư pháp, người thực hiện giám định (hoặc cơ quan chủ quản) lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị thanh toán gửi cơ quan chi trả (Kho bạc/Cơ quan tài chính). Thành phần Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- a) Quyết định trưng cầu giám định tư pháp của cơ quan tiến hành tố tụng;
- b) Quyết định/Văn bản cử hoặc công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc;
- c) Bản Kết luận giám định tư pháp và Biên bản giao nhận kết luận giám định;
- d) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định (bảng kê chi tiết ngày công/giờ công, khối lượng công việc);
- e) Bảng tính chi tiết tiền bồi dưỡng giám định tư pháp (có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị hoặc người chủ trì).

Bước 5: Thẩm định, giải ngân và quyết toán kinh phí

a) Thời hạn chi trả: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc giám định hoàn thành, phát hành kết luận giám định và nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ, cơ quan có trách nhiệm chi trả phải duyệt cấp phát và thanh toán đầy đủ tiền bồi dưỡng cho người giám định.

b) Thanh toán: Tiền bồi dưỡng được chi trả trực tiếp cho người giám định tư pháp theo vụ việc (sau khi trừ đi số tiền đã tạm ứng tại Bước 2).

c) *Quyết toán*: Cuối năm tài chính, cơ quan chi trả tổng hợp kinh phí bồi dưỡng giám định vào quyết toán ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước và Luật Kế toán.

II: TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT THỰC TIỄN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Tình huống 1: Trình tự, thủ tục bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp tại địa phương

Câu hỏi: Ông Nguyễn Văn A là một chuyên viên đã có 06 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn tại Sở Tư pháp, đồng thời đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp do cơ quan có thẩm quyền tổ chức. Với mong muốn đóng góp năng lực chuyên môn vào quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc tại địa phương, ông A dự định tiến hành các thủ tục để được bổ nhiệm Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tư pháp.

Trả lời: Việc xem xét bổ nhiệm chức danh giám định tư pháp đòi hỏi sự đánh giá toàn diện về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của người được đề nghị, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe do pháp luật quy định. Theo Luật Giám định tư pháp và Thông tư số 04/2026/TT-BTP ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tư pháp: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ đại học trở lên về ngành luật hoặc ngành đào tạo khác phù hợp với chức danh hoặc vị trí việc làm, do cơ sở giáo dục của Việt Nam đào tạo theo quy định của pháp luật hoặc do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo và được công nhận để sử dụng tại Việt Nam; có thời gian hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên tính từ ngày được tuyển dụng hoặc tiếp nhận làm việc hoặc đăng ký hành nghề trong lĩnh vực tư pháp, phù hợp với lĩnh vực giám định tư pháp mà người đó được bổ nhiệm; đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định ở chuyên ngành chuyên môn phù hợp trong lĩnh vực tư pháp do Bộ Tư pháp tổ chức.

Đi sâu vào lĩnh vực chuyên ngành, đối với người làm giám định trong lĩnh vực tư pháp, điều kiện này yêu cầu cụ thể là trình độ đại học trở lên về ngành luật hoặc ngành đào tạo khác phù hợp với chức danh, vị trí việc làm và phải có thời gian hoạt động chuyên môn từ đủ 05 năm trở lên tính từ ngày được tuyển dụng hoặc tiếp nhận làm việc. Bên cạnh đó, điều kiện mang tính bắt buộc là người đề nghị bổ nhiệm phải hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định ở chuyên ngành chuyên môn phù hợp do Bộ Tư pháp tổ chức.

Đối chiếu với trường hợp của ông A, việc ông đã có 06 năm kinh nghiệm chuyên môn và hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ là nền tảng cần thiết để cơ quan quản lý lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, trong đó bao gồm các minh chứng pháp lý như bằng tốt nghiệp, giấy tờ chứng minh quá trình công tác và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ. Cơ chế rà soát tiêu chuẩn này đóng vai trò như một bộ lọc pháp lý thiết yếu, bảo đảm đội ngũ giám định viên được bổ nhiệm hội tụ đủ cả kiến thức hàn lâm lẫn kinh nghiệm cọ xát thực tiễn.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2026/NĐ-CP ngày 19/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp, quy định:

“b) Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý lĩnh vực giám định tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Giám định tư pháp, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.”

Như vậy, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ở đây là Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm trực tiếp trong việc rà soát, lựa chọn người làm việc

tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý có đủ tiêu chuẩn ở đây cụ thể là ông A đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.

Tình huống 2: Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên

Câu hỏi: Nguyễn Văn A, Trần Thị B, Võ Thị C là giám định viên tư pháp lĩnh vực tài chính Sở Tài chính tỉnh C. Đợt tinh giảm biên chế theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cả 3 người này đã được nghỉ theo chế độ. Hiện nay, Luật Giám định quy định như thế nào về việc trách nhiệm rà soát miễn nhiệm giám định tư pháp đối với những trường hợp này? Ba trường hợp này nếu có nguyện vọng tiếp tục làm giám định viên cho Sở Tài chính thì có được không?

Trả lời:

Điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 177/2026/NĐ-CP quy định “*Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý lĩnh vực giám định tư pháp có trách nhiệm rà soát danh sách giám định viên tư pháp tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; trường hợp giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm hoặc đề nghị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 11 của Luật Giám định tư pháp thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.*”

Và khoản 4 Điều 11 Luật Giám định tư pháp quy định:

“4. Giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
- b) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này;
- c) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc có hiệu lực, trừ trường hợp giám định viên tư pháp có nguyện vọng tiếp tục làm giám định tư pháp tại cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi giám định viên tư pháp đã làm việc và được sự đồng ý của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó theo quy định của pháp luật;
- d) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được bổ nhiệm;

đ) Không thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng giám định tư pháp hoặc không làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm giám định viên tư pháp.”

Như vậy, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh C rà soát đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp các ông bà đã nghỉ hưu hoặc thôi việc như trên. Trong trường hợp các giám định viên có nguyện vọng tiếp tục làm giám định viên của Sở Tài chính tỉnh C thì phải được Sở Tài chính tỉnh C đồng ý.

Tình huống 3: Rà soát tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc

Câu hỏi: Giám đốc Sở Tài chính tỉnh X nhận được văn bản đề nghị công nhận ông Trần Văn B làm người giám định tư pháp theo vụ việc để hỗ trợ làm rõ dòng tiền trong một chuyên án trốn thuế phức tạp. Xét về mặt năng lực, ông B hoàn toàn vượt trội với tấm bằng Cử nhân Tài chính - Kế toán cùng bề dày 08 năm công tác thực tiễn. Tuy nhiên, qua công tác thẩm tra lý lịch chéo, bộ phận tham mưu phát hiện ông B hiện đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo do vi phạm nghiêm trọng quy chế bảo mật thông tin nội bộ tại cơ quan chủ quản. Đứng trước sức ép về tiến độ phá án từ cơ quan điều tra, Giám đốc Sở Tài chính có được phép linh động ban hành quyết định công nhận ông B là người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tài chính hay không?

Trả lời:

Điều 13 Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 quy định tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc:

“Điều 13. Tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc:

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt;*
- b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.*

2. Trường hợp người không đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực, chuyên ngành cần giám định thì cơ quan, tổ chức xem xét quyết định lựa chọn, công nhận người đó là người giám định tư pháp theo vụ việc.”

Khoản 5 Điều 14 Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15

“Điều 14. Công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc

5. Những trường hợp không được công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Người không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 của Luật này;

b) Người thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 11 của Luật này.”

Đồng thời, điểm e Khoản 3 Điều 11 Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 cụ thể hóa quy định những trường hợp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp đối với người đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mặc dù, ông B đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc khi có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên. Nhưng ông B thuộc trường hợp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp đối với người đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Như vậy, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh X từ chối đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận ông Trần Văn B là người giám định tư pháp theo vụ việc để hỗ trợ làm rõ dòng tiền trong một chuyên án trốn thuế phức tạp là đúng quy định pháp luật.

Tình huống 4: Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập và đăng ký hoạt động hoạt động Văn phòng Giám định tư pháp.

Câu hỏi: Ông Trần Văn B là một giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tài chính, đã có 04 năm kinh nghiệm trong hoạt động giám định. Nhận thấy nhu cầu của xã hội về giám định tài chính ngày càng cao, ông B quyết định nộp hồ sơ đến Sở Tư pháp để xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp hoạt động dưới mô hình doanh nghiệp tư nhân do ông làm Trưởng văn phòng. Vấn đề pháp lý đặt ra là pháp luật hiện hành quy định về điều kiện, về cơ sở vật chất, nhân sự để cấp phép ban đầu như thế nào, và cơ quan quản lý nhà nước phải áp dụng lắng kính thẩm định ra sao đối với quy trình chuyển đổi loại hình tổ chức của văn phòng?

Trả lời: Sự ra đời của Văn phòng giám định tư pháp đòi hỏi cơ quan quản lý nhà nước, trực tiếp là Sở Tư pháp, phải tiến hành thẩm định các điều kiện mang tính nền tảng về nhân sự và cơ sở vật chất nhằm bảo đảm chất lượng cung cấp dịch vụ. Căn cứ theo Luật Giám định tư pháp, loại hình tổ chức này được cấu trúc theo một trong hai hình thức là doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh. Nhằm bảo chứng cho năng lực điều hành chuyên môn, pháp luật quy định Trưởng văn phòng bắt buộc phải là giám định viên tư pháp sở hữu bề dày công tác giám định từ đủ 03 năm trở lên. Đặt vào bối cảnh của ông Trần Văn B, việc tích lũy 04 năm kinh nghiệm thực tiễn đã giúp ông đáp ứng trọn vẹn điều kiện nhân sự cốt lõi để đứng tên thành lập văn phòng.

Hồ sơ đề nghị thành lập và đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp bao gồm các giấy tờ sau đây: Đơn đề nghị thành lập và đăng ký hoạt động; Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp; Giấy tờ chứng minh đã có thời gian công tác giám định từ đủ 03 năm trở lên đối với giám định viên tư pháp dự kiến làm Trưởng văn phòng; đề án thành lập văn phòng giám định tư pháp. Đề án thành lập văn phòng giám định tư pháp phải có các nội dung sau: mục đích thành lập; dự kiến về tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định đối với các lĩnh vực giám định, trừ các lĩnh vực giám định không cần sử dụng trang thiết bị, phương tiện máy móc giám định để đưa ra kết luận giám định; kế hoạch triển khai thực hiện Đề án.

Ông B đủ điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thành lập và đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nơi dự kiến đặt trụ sở văn phòng hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì thông báo bằng văn bản để người đề nghị hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, quyết định phê duyệt Đề án thành lập văn phòng giám định tư pháp và cấp giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng giám định tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tình huống 5: Công nhận tổ chức giám định tư pháp để đáp ứng nhu cầu thực tế

Câu hỏi: Hiện cơ quan công an tỉnh bắt giữ tỉnh A bắt giữ được nhiều lô hàng mỹ phẩm không có hóa đơn chứng từ. Để phục vụ công tác điều tra truy tố xét xử, cơ quan công an cần biết lô hàng mỹ phẩm kia là thật hay giả thì cần trưng cầu cơ quan nào để giám định? Biết được nhu cầu ngày càng nhiều của cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương, Sở Y tế tỉnh A cần chuẩn bị gì để phục vụ công tác giám định?

Trả lời: Căn cứ Điều 2 Thông tư số 08/2026/TT-BYT ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế quy định về danh mục lĩnh vực giám định tư pháp trong gồm “Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng; Giám định pháp y; Giám định pháp y tâm thần; Bà mẹ, trẻ em; Dân số; Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội; Y, dược cổ truyền; Dược và mỹ phẩm; Thiết bị y tế; An toàn thực phẩm; Bảo hiểm y tế”

Để đáp ứng nhu cầu cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương Sở Y tế tỉnh A cần thực hiện rà soát tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Giám định tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, cụ thể điều kiện như sau: *“Có tư cách pháp nhân; Có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ở lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định; có thời gian hoạt động từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định; có đội ngũ cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.”*

Theo Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh A, Sở Y tế tỉnh A “là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số và các dịch vụ công thuộc ngành y tế theo quy định của pháp luật; bảo trợ xã hội; trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội.”. Về cơ cấu tổ chức của Sở, nhiều phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp công lập trong đó có Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm.

Vì vậy, Giám đốc Sở Y tế tỉnh A quản lý lĩnh vực giám định tư pháp có trách nhiệm lựa chọn cơ quan, đơn vị có đủ điều kiện quy định trên đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Cơ quan công an có thể trưng cầu Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh A để thực hiện việc giám định sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

Tình huống 6: Việc thuê khoán chuyên gia, tổ chức chuyên môn ngoài khu vực nhà nước trong hoạt động giám định tư pháp

Câu hỏi: Sở Khoa học và công nghệ tỉnh A thực hiện giám định tư pháp theo Quyết định trưng cầu giám định số 35135/QĐ-CSKT ngày 10/5/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B về việc giám định chất lượng của các thiết bị được lắp đặt trong gói thầu số 6 của Dự án Hệ thống trạm quan trắc môi trường nước tự động phục vụ nuôi trồng thủy sản kết hợp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh B. Để giám định được nội dung theo yêu cầu trên, người giám định cần thuê một tổ chức chuyên môn ngoài khu vực nhà nước để có kết quả về thông số kỹ thuật của thiết bị, sau đó người giám định mới đưa ra được kết luận giám định về chất lượng, tiêu chuẩn công năng của các thiết bị có đáp ứng yêu cầu

trong hồ sơ được phê duyệt không? Việc thuê tổ chức chuyên môn ngoài khu vực nhà nước phục vụ cho công tác giám định có phù hợp trong quy trình giám định?

Trả lời: Điều 37 Nghị định số 177/2026/NĐ-CP quy định:

“1. Trường hợp vụ việc giám định tư pháp phát sinh nội dung phức tạp, chuyên sâu, có tính chất đặc thù, khó bố trí nhân lực thì tổ chức giám định tư pháp công lập được thuê khoán chuyên gia giỏi, tổ chức chuyên môn có năng lực tốt ở ngoài khu vực nhà nước để thực hiện việc giám định các nội dung đó.

2. Việc thuê khoán được thực hiện theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, bảo đảm tương xứng với trình độ chuyên môn, tính chất, khối lượng công việc và phù hợp với khả năng ngân sách, nguồn kinh phí được giao.

3. Kinh phí thuê khoán được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, chi phí giám định tư pháp hoặc các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ quy định trên, người giám định hoàn toàn có quyền thuê chuyên gia, tổ chức chuyên môn có năng lực tốt ở ngoài khu vực nhà nước để thực hiện việc giám định các nội dung đó

Tình huống 7. Giải quyết vướng mắc khi thực hiện mổ tử thi pháp y nhưng gia đình nạn nhân cản trở

Câu hỏi: Điều tra viên Trần Văn D đang thụ lý vụ án mạng có dấu hiệu tội phạm hình sự, nạn nhân tử vong với nhiều vết thương bất thường. Để xác định chính xác nguyên nhân cái chết làm căn cứ khởi tố, cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tử thi và phân công Giám định viên pháp y Lê Thị E thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, khi lực lượng chức năng chuẩn bị tiến hành mổ tử thi, gia đình nạn nhân đã tụ tập đông người, cản trở quyết liệt với lý do tín ngưỡng tâm linh và bức xúc tâm lý, đồng thời có những lời lẽ đe dọa trực tiếp đến sự an toàn của Giám định viên E. Vấn đề pháp lý đặt ra là làm thế nào để giải quyết xung đột giữa quyền nhân thân, tín ngưỡng của gia đình với yêu cầu bắt buộc phải khám nghiệm tử thi trong tố tụng hình sự? Đồng thời, quyền được bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe của Giám định viên E và quyền từ chối giám định khi điều kiện an toàn không được bảo đảm, cũng như trách nhiệm của cơ quan điều tra trong việc bảo vệ người giám định được quy định như thế nào?

Trả lời: Khám nghiệm tử thi là một hoạt động điều tra mang tính bắt buộc nhằm làm sáng tỏ những uẩn khúc về mặt y khoa, đóng vai trò then chốt trong việc định hướng giải quyết vụ án hình sự. Căn cứ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, cơ quan có thẩm quyền bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định nguyên nhân chết người. Sự xung đột giữa yêu cầu tìm ra sự thật khách quan của vụ án với tâm lý bức xúc, niềm tin tôn giáo và quyền nhân thân của gia đình nạn nhân thường xuyên tạo ra những điểm nghẽn

ngghiêm trọng tại hiện trường. Tuy nhiên, việc khám nghiệm tử thi do giám định viên pháp y tiến hành dưới sự chủ trì của Điều tra viên là thủ tục bắt buộc không thể bị trì hoãn bởi sự phản đối từ phía gia đình. Đối mặt với sự cản trở này, cơ quan tiến hành tố tụng không chỉ cần vận dụng kỹ năng dân vận để giải thích, thuyết phục gia đình thấu hiểu tính tất yếu của pháp luật, mà còn phải kiên quyết thực thi các biện pháp cưỡng chế nếu cần thiết nhằm bảo vệ tính toàn vẹn của chứng cứ. Việc thực thi nghiêm ngặt quy định này chính là nền tảng để bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện chính xác, không để lọt tội phạm và bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền lợi hợp pháp của công dân.

Trong bối cảnh chịu sự đe dọa và áp lực từ phía gia đình nạn nhân, hệ thống pháp luật hiện hành đã thiết lập các cơ chế bảo vệ vững chắc nhằm bảo đảm an toàn cho lực lượng thực thi nhiệm vụ giám định chuyên môn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 24 Luật Giám định tư pháp, thông qua việc dẫn chiếu đến các quyền cốt lõi, thì *“người giám định viên tư pháp có quyền đề nghị người trung cầu giám định tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ bản thân, người thân thích của mình khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm do tham gia vụ việc, vụ án.”*

Trách nhiệm kiến tạo môi trường an toàn và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động mổ tử thi pháp y thuộc về cơ quan trung cầu giám định, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ và quyết liệt từ lực lượng vũ trang. Điểm đ khoản 2 Điều 22 Luật Giám định tư pháp quy định rõ nghĩa vụ của người trung cầu giám định tư pháp là phải *“thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ việc, vụ án”*

Điều này đồng nghĩa với việc Điều tra viên D và cơ quan công an phải triển khai ngay lập tức các lực lượng chuyên trách để phong tỏa hiện trường, canh gác và ngăn chặn mọi hành vi quá khích từ thân nhân nạn nhân. Sự can thiệp kịp thời của cơ quan bảo vệ pháp luật vừa triệt tiêu các rủi ro xâm hại thể chất đối với Giám định viên E, vừa thiết lập lại trật tự để quá trình khám nghiệm tử thi diễn ra liên tục, tuân thủ đúng trình tự y khoa và pháp lý.

Tình huống 8: Trường hợp nội dung cần giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp

Câu hỏi: Cơ quan điều tra Công an tỉnh A đang thụ lý vụ án có dấu hiệu vi phạm quy định về quản lý đầu tư công tại Ban Quản lý dự án xây dựng hạ tầng tỉnh X, cơ quan công an gửi quyết định trung cầu đến Sở Tài chính tỉnh A. Sau nghi nghiên cứu nội dung trung cầu, Sở Tài chính tỉnh A nhận thấy, để đưa ra được kết luận giám định chính xác,

Sở Tài chính cần có những người cùng giám định có chuyên môn về thuế, ngân hàng. Cơ quan điều tra Công an tỉnh A cho rằng, vụ việc liên quan đến chuyên ngành nhiều cơ quan nhưng nội dung trung cầu này không thể tách rời vì ảnh hưởng đến chính xác, thời gian xử lý vụ việc nên Sở Tài chính tỉnh A cứ tiếp nhận rồi phối hợp với các cơ quan khác có liên quan để giám định. Do không thống nhất được xác định được cơ quan nào chủ trì, cơ quan nào phối hợp nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh A và Sở Tài chính tỉnh A quyết định đề nghị Sở Tư pháp tỉnh A làm cơ quan chủ trì phân định.

Hỏi, cách xử lý vấn đề của cơ quan điều tra Công an tỉnh A và Sở Tài chính tỉnh A vậy có phù hợp với quy định của pháp luật?

Trả lời: Điểm b khoản 2 Điều 22 Luật Giám định tư pháp quy định về nghĩa vụ của người trung cầu:

“b) Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong quyết định trung cầu đối với vụ việc, vụ án đang giải quyết; nội dung trung cầu phải cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng giám định;”

Khoản 6 Điều 26 Luật Giám định tư pháp quy định:

“6. Trường hợp nội dung cần giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp thì người trung cầu giám định phải tách riêng từng nội dung để trung cầu tổ chức giám định tư pháp có chuyên môn phù hợp.

Trường hợp nội dung cần giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp nhưng có quan hệ mật thiết với nhau mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả giám định hoặc làm kéo dài thời gian giám định thì người trung cầu giám định tư pháp phải xác định nội dung chính cần giám định để quyết định trung cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì, tổ chức giám định tư pháp phối hợp. Quyết định trung cầu được gửi cho tổ chức giám định tư pháp chủ trì và tổ chức giám định tư pháp phối hợp. Tổ chức giám định tư pháp chủ trì có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức triển khai việc giám định chung, thực hiện giám định phần nội dung chuyên môn của mình và ban hành kết luận giám định.”

Như vậy, việc xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định, xác định nội dung chính cần giám định để quyết định trung cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì, tổ chức giám định tư pháp phối hợp là nghĩa vụ của cơ quan trung cầu.

Tình huống 9: Thời thời hạn giám định

Câu hỏi: Do tính chất phức tạp của vụ việc cần giám định như trên nhưng Cơ quan điều tra Công an tỉnh A ghi thời hạn giám định chỉ có 3 tháng. Vậy trường hợp này nếu đến thời hạn không trả được kết luận có vi phạm quy định?

Trả lời: Điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư số 46/2026/TT-BTC ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính quy định:

“c) Trường hợp vụ việc giám định có từ 03 nội dung giám định khác nhau trong lĩnh vực tài chính quy định tại Điều 3 Thông tư này trở lên hoặc có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc phụ thuộc vào kết quả giám định của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn tối đa 04 tháng.”

Khoản 4, 5 Điều 30 Luật Giám định tư pháp quy định;

“4. Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan làm cơ sở cho việc giám định thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp bổ sung trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc xác định được nội dung cần bổ sung. Người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có trách nhiệm bổ sung thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Thời gian từ khi người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị đến khi nhận được thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan bổ sung thì không tính vào thời hạn giám định.

5. Trường hợp không thể hoàn thành đúng thời hạn giám định, chậm nhất là 24 giờ trước thời hạn trả kết luận giám định, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu giám định gia hạn. Người trưng cầu giám định quyết định việc gia hạn nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.”

Như vậy, trong trường hợp này Sở Tài chính tỉnh A cần trao đổi, thống nhất với Cơ quan điều tra Công an tỉnh A điều chỉnh thời gian thực hiện giám định lại là 4 tháng. Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan làm cơ sở cho việc giám định thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu, thời gian từ khi người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị đến khi nhận được thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan bổ sung thì không tính vào thời hạn giám định. Trường hợp không thể hoàn thành đúng thời hạn giám định, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu giám định gia hạn.

Dưới góc độ quản lý nhà nước, việc ghi chép lại toàn bộ quá trình làm việc là yêu cầu bắt buộc để bảo đảm kết quả giám định là đáng tin cậy. Dưới đây là tình huống phân tích về vấn đề này được diễn đạt một cách trực diện và dễ hiểu hơn.

Tình huống 10: Yêu cầu ghi nhận kịp thời quá trình giám định

Câu hỏi: Cơ quan điều tra Công an tỉnh B trưng cầu Giám định viên Lê Văn C giám định một hệ thống dữ liệu kế toán. Vì muốn nhanh chóng có kết quả, ông C chỉ tập trung vào việc phân tích dữ liệu. Đến khi chuẩn bị ký bản Kết luận giám định, ông C mới soạn một văn bản ghi nhận lại quá trình làm việc. Văn bản này chỉ ghi tóm tắt kết quả, không ghi rõ tình trạng ban đầu của ổ cứng máy tính, không ghi ngày giờ thực hiện từng bước và cách thức trích xuất dữ liệu. Ông C cho rằng phần quan trọng nhất là Kết luận giám định phải chính xác, còn việc ghi chép chi tiết từng bước chỉ làm chậm tiến độ phá án. Cách làm của ông C có đúng với quy định pháp luật không?

Trả lời:

“Điều 34. Văn bản, dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử toàn bộ quá trình thực hiện vụ việc giám định.

2. Văn bản, dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp phải nêu rõ tình trạng của đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan, thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, phương pháp thực hiện giám định, kết quả thực hiện, có chữ ký của người thực hiện giám định tư pháp và được lưu trong hồ sơ giám định.”

Giám định viên Lê Văn C cần tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lập hồ sơ, một bản kết luận giám định hoàn chỉnh cùng với kỹ năng bảo vệ quan điểm chuyên môn vững vàng khi đối diện với các bên tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, cách làm của Giám định viên Lê Văn C là sai quy định và bộc lộ sự chủ quan trong thực thi nhiệm vụ. Việc lập văn bản ghi chép quá trình giám định không phải là một thủ tục hành chính giấy tờ đơn thuần, mà là bằng chứng pháp lý cốt lõi để chứng minh bản kết luận đó được rút ra từ một quá trình minh bạch, khách quan và khoa học.

Hành vi đợi đến khi làm xong mới ghi chép lại đã vi phạm nguyên tắc làm việc "kịp thời". Kỹ luật chuyên môn đòi hỏi người giám định phải ghi nhận quá trình làm việc ngay lúc đang thực hiện để đảm bảo tính chính xác. Việc văn bản của ông C thiếu hụt các thông tin cơ bản như tình trạng thiết bị ban đầu, thời gian, phương pháp thực hiện lại càng làm hồ sơ mất đi giá trị chứng minh. Yêu cầu bắt buộc là văn bản này phải phản ánh đầy đủ,

trung thực chi tiết từng bước, có chữ ký của người thực hiện và lưu vào hồ sơ. Dù năng lực chuyên môn của ông C có tốt đến đâu, nếu hồ sơ thiếu đi tài liệu chứng minh các thao tác đã thực hiện thì toàn bộ kết quả giám định đó đứng trước nguy cơ bị các bên tham gia tố tụng bác bỏ, không được công nhận là chứng cứ hợp pháp.

III: LUẬT VÀ CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH HƯỚNG DẪN LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Luật Giám định tư pháp;
2. Nghị định số 177/2026/NĐ-CP ngày 19/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;
3. Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư quy định về trưng cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự;
4. Thông tư số 67/2026/TT-BCA ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về giám định viên tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp và công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc trong Công an nhân dân;
5. Thông tư số 46/2026/TT-BTC ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính;
6. Thông tư số 08/2026/TT-BYT ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;
7. Thông tư số 04/2026/TT-BTP ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tư pháp;
8. Thông tư số 15/2026/TT-BXD ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng;
9. Thông tư số 21/2026/TT-BTNMT ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
10. Thông tư số 18/2026/TT-BKHCN ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;
11. Thông tư số 21/2026/TT-GDDT ngày 21/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
12. Thông tư số 05/2026/TT-GDDT ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực nội vụ;

13. Thông tư số 04/2026/TT-GDĐT ngày 30/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

14. Thông tư số 23/2026/TT-GDĐT ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương

15. Quyết định số 08/2025/QĐ-TTg ngày 04/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp;

16. Quyết định số 22/2026/QĐ-TTg ngày 01/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 08/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2025 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

17. Quyết định số 98/2025/TT-BCA ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; thành phần, số người thực hiện nhiệm vụ đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mô tử thi và khai quật tử thi.

PHẦN KẾT LUẬN

Quán triệt sâu sắc Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 30/11/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giám định tư pháp và định giá tài sản, Sở Tư pháp mong muốn thiết lập một nền tảng pháp lý vững chắc, định hướng toàn diện cho sự phát triển của hoạt động hỗ trợ tư pháp tại cơ sở. Sự chỉ đạo định hướng này đòi hỏi các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải nỗ lực nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với công tác định giá tài sản và đánh giá chuyên môn kỹ thuật. Việc thực thi nhiệm vụ này hoàn toàn không dừng lại ở các thao tác hành chính đơn thuần, mà được xác định là một trọng trách chính trị cốt lõi, gắn liền chặt chẽ với cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và công cuộc phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Trên bình diện quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng các cơ quan chuyên môn mang nghĩa vụ trực tiếp trong việc tổ chức, điều hành và chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Nhìn nhận một cách tổng thể, sự can dự quyết liệt và định hướng xuyên suốt của cấp ủy đảng vào công tác chuyên môn chính là tiền đề sống còn để kiến tạo một thiết chế giám định minh bạch, khách quan và tuân thủ tuyệt đối pháp luật.

Quá trình chuyển hóa các định hướng chính trị thành hiệu lực thực tiễn bắt buộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phải đổi mới tư duy quản lý và củng cố vững chắc cơ chế phối hợp liên ngành. Lãnh đạo các sở, ngành mang trọng trách đề cao tính kỷ luật công vụ, triệt tiêu mọi biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc chậm trễ trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ và hiện trạng tài sản phục vụ cho các cơ quan có thẩm quyền cấp trên. Theo hệ quy chiếu của pháp luật hiện hành, các cơ quan này phải chủ động tham mưu, đề nghị bổ nhiệm nhân sự chuyên môn, đồng thời lập dự toán kinh phí và bảo đảm các điều kiện vật chất thiết yếu cho tổ chức giám định vận hành hiệu quả. Hơn thế nữa, công tác kiểm tra, giám sát nội bộ cần được duy trì thường xuyên nhằm kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn pháp lý, đồng thời phối hợp đề xuất xử lý nghiêm khắc những cá nhân thiếu trách nhiệm hoặc có hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Như vậy, việc thể chế hóa trách nhiệm giải trình của người đứng đầu và duy trì kỷ luật phối hợp nghiêm minh chính là trực cốt lõi để bảo chứng cho tính hợp pháp của mọi hoạt động chuyên môn.

Đích đến tối hậu của việc tuân thủ triệt để sự lãnh đạo của Đảng là rèn giũa nên một hệ thống chứng cứ khoa học không thể phản bác, bảo vệ vững chắc sự nghiêm minh của trật tự pháp luật. Khi các cơ quan chuyên môn tại địa phương thấm nhuần tinh thần của Chỉ thị số 54-CT/TW, chất lượng của các bản kết luận chuyên môn sẽ thực sự được nâng tầm, phục vụ kịp thời và chuẩn xác cho chuỗi hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. Sự kiểm soát chặt chẽ này trực tiếp loại trừ nguy cơ lạm dụng việc trưng cầu chuyên môn để

thay thế nghĩa vụ chứng minh tội phạm của cơ quan tiến hành tố tụng, bảo đảm mỗi hồ sơ trung cầu đều minh bạch, rõ ràng và có đầy đủ căn cứ vật chất. Sự cộng hưởng giữa kỷ luật chính trị nghiêm minh và phương pháp luận khoa học khắt khe kiến tạo nên một màng lọc chứng cứ an toàn tuyệt đối cho mọi phán quyết của Tòa án. Vững bước trên nền tảng chính trị và pháp lý đồng bộ này, thực tiễn giải quyết các vụ án phức tạp sẽ không ngừng đặt ra những trọng trách mới, đòi hỏi sự dấn thân và tinh thần khách quan khoa học trong mọi khía cạnh của hoạt động giám định tư pháp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2026

Danh sách
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

A. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

STT	TÊN TỔ CHỨC	ĐỊA CHỈ	DIỆN THOẠI
1	Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang (Quyết định số 1125/QĐ-BCA ngày 26/02/2025 của Bộ Công an)	Số 01 đường Quang Trung, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	02973.872.016
2	Trung tâm Pháp Y, Sở Y tế (Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)	Trụ sở chính: Số 01A đường Lê Hồng Phong, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	02973.861.479

		Trụ sở 2: Số 11 đường Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.852.293
--	--	--	---------------

B. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	TÊN TỔ CHỨC	LĨNH VỰC	CHUYÊN NGÀNH	NGƯỜI ĐẠI DIỆN
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang Địa chỉ: Số 854 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang (Quyết định số 307/QĐ-BHXXH ngày 31/3/2021 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	Bảo hiểm	Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật BHXH, BHYT, BHTN	0297.3811185
2	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng An Giang, Sở Xây dựng Địa chỉ: Số 6 đường số 20, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Quyết định số 4340/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình.	Ông Trần Anh Quân Giám đốc Trung tâm

			3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	
3	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Giao thông An Giang Địa chỉ: Số 18-19A2 đường Nguyễn Thái Bình, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)	Xây dựng cầu, đường, dân dụng, công nghiệp, NN&PTNT, HTKT	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình. 5. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	0293.855.848 Nguyễn Thanh Nam, Giám đốc Công ty

C. DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
I	CÔNG AN TỈNH: 31 GĐVTP					
1.	Hồ Văn Sen	1971	Công an tỉnh	Giám định đường vân	Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang	
2.	Đặng Việt Hùng	1971	Công an tỉnh	Giám định đường vân	Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang	
3.	Lưu Quang Phục	1973	Công an tỉnh	Giám định tài liệu, Cơ học	Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang	
4.	Đoàn Văn Lâm	1978	Công an tỉnh	Giám định đường vân và tài liệu	Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang	
5.	Nguyễn Phước Thịnh	1971	Công an tỉnh	Giám định kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
6.	Trần Quốc Hà	1977	Công an tỉnh	Giám định dấu vết đường vân	Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 04/9/2008 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
				Giám định tài liệu	Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh An Giang	
7.	Phạm Thị Diệu	1977	Công an tỉnh	Giám định dấu vết đường vân	Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND tỉnh Kiên Giang	
8.	Cao Dương Hoài Thu	1988	Công an tỉnh	Giám định sinh học	Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
9.	Nguyễn Hoàng Phương	1983	Công an tỉnh	Giám định viên kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	
				Giám định viên âm thanh	Quyết định số 1611/QĐ-BCA, ngày 11/3/2025 của Bộ Công an	
10.	Huỳnh Phú Sĩ	1982	Công an tỉnh	Giám định viên kỹ thuật	Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
				Giám định dấu vết cơ học	Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 02/05/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
11.	Thái Minh Hồng	1981	Công an tỉnh	Giám định viên kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	
12.	Trịnh Minh Lộc	1983	Công an tỉnh	Giám định kỹ thuật	Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 02/05/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
13.	Vũ Thị Minh Thương	1982	Công an tỉnh	Giám định tài liệu	Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND tỉnh Kiên Giang	
				Giám định Cơ học, Đường vân	Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang	
14.	Nguyễn Thị Mỹ Hà	1979	Công an tỉnh	Giám định hóa học	Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 07/10/2009 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
15.	Giáp Thanh Tiền	1984	Công an tỉnh	Giám định dấu vết đường vân	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của UBND tỉnh An Giang	
				Giám định viên kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
16.	Thái Thị Thanh Thủy	1979	Công an tỉnh	Giám định viên hóa học	Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 18/11/2011	
17.	Nguyễn Đăng Khoa	1978	Công an tỉnh	Giám định tài liệu	Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh An Giang	
18.	Trương Công Toàn	1990	Công an tỉnh	Giám định pháp y	Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
19.	Vũ Văn Xuyến	1989	Công an tỉnh	Giám định pháp y	Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
20.	Trần Hoàng Toàn	1984	Công an tỉnh	Giám định cháy nổ	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
21.	Lê Đình Thành	1993	Công an tỉnh	Giám định pháp y	Quyết định số 1932/QĐ- UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh An Giang	
22.	Nguyễn Mạnh Cường	1993	Công an tỉnh	Giám định pháp y	Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh An Giang	
23.	Nguyễn Hoàng Nam	1985	Công an tỉnh	Giám định hóa học	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	
				Giám định cháy nổ	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
24.	Danh Minh Hoàng	1982	Công an tỉnh	Giám định pháp y	Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang	
				Giám định sinh học	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 02/05/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
25.	Danh Hoàng	1983	Công an tỉnh	Giám định	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
				tài liệu và đường vân		
26.	Nguyễn Thành Sang	1984	Công an tỉnh	Giám định tài liệu	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
27.	Võ Trung Giang	1986	Công an tỉnh	Giám định tài liệu	Quyết định số 1786/QĐ- UBND tháng 07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
28.	Lê Đức Huy	1982	Công an tỉnh	Giám định hóa học	Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
29.	Nguyễn Việt Triều	1984	Công an tỉnh	Giám định pháp y	Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
				Giám định sinh học	Quyết định số 2886/QĐ-BCA ngày 02/5/2024 của Bộ Công an	
30.	Trần Văn Nghĩa	1979	Công an tỉnh	Giám định pháp y	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 09/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
31.	Trần Văn Điền	1983	Công an tỉnh	Giám định đường vân	Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
II	SỞ Y TẾ: 26 GĐVTP (Trong đó: Hiện có đang công tác 19; đã nghỉ hưu 06; đã nghỉ việc 01)					
32.	Nguyễn Quang Hiền	1966	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 tỉnh An Giang	
33.	Lê Thị Hồng Nga	1975	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 tỉnh An Giang	
34.	Huỳnh Tuấn Nhi	1983	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 và Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 về việc sửa đổi Quyết định số 1131/QĐ-UBND tỉnh An Giang	
35.	Nguyễn Văn Lắm	1973	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang	
36.	Võ Văn Điều	1984	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 1403/QĐ-UBND, ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
37.	Nguyễn Hữu Ngọc	1981	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 1200/QĐ-UBND, ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang	
38.	Phạm Văn Đăng	1978	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 1809/QĐ-UBND, ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang	
39.	Lư Mẫn	1982	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 1810/QĐ-UBND, ngày 22/08/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang	
40.	Phan Thanh Thanh	1981	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 2275/QĐ-UBND, ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang	
41.	Nguyễn Thành Nam	1973	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 1759/QĐ-CT ngày 25/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
42.	Hun Xuân Hoan	1970	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 3628/1998/QĐ-CT ngày 10/11/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang	
43.	Nguyễn Quang Dũng	1967	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 3628/1998/QĐ-CT ngày 10/11/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang	
44.	Huỳnh Văn Tốt	1965	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 2145/QĐ-CT ngày 04/10/2001 của UBND tỉnh Kiên Giang	
45.	Nguyễn Ngọc Hùng	1965	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 2145/QĐ-CT ngày 04/10/2001 của UBND tỉnh Kiên Giang	
46.	Nguyễn Văn Khoa	1967	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
47.	Lâm Tường Minh	1968	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 2082/QĐ-CT	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
					ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang	
48.	Trần Tuấn Huy	1969	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 26/5/2006 của UBND tỉnh An Giang	
49.	Nguyễn Liên Hiệp	1969	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của UBND tỉnh An Giang	
50.	Trần Anh Quyền	1992	Sở Y tế	Giám định pháp y	Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh An Giang	
51.	Ngô Minh Trang	1971	Sở Y tế	Pháp Y	Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh	Nghỉ hưu theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP kể từ ngày

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						01/09/2025
52.	Trương Văn Thống	1968	Sở Y tế	Pháp Y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	Nghỉ hưu theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP kể từ ngày 01/09/2025
53.	Nguyễn Tri Phương	1962	Sở Y tế	Pháp Y	Số 3628/1998/QĐ-UB ngày 10/11/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu kể từ ngày 01/01/2023
54.	Dương Thị Truyền	1954	Sở Y tế	Pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghỉ hưu và không liên lạc được

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
55.	Trần Thanh Phong	1970	Sở Y tế	Pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghỉ hưu và không liên lạc được
56.	Bùi Thị Xuân Nga	1966	Sở Y tế	Pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghỉ hưu và không liên lạc được
57.	Lê Minh Uy	1965	Sở Y tế	Vệ sinh, an toàn thực phẩm	Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Nghỉ việc theo Quyết định số 934/QĐ-SYT ngày 03/10/2024
III	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO: 09 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 05; nghỉ theo chính sách 178: 04)					
58.	Đặng Thị Ngọc Tư	1989	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn hóa	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06/2/2025 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
59.	Nguyễn Thị Thùy Trang	1975	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn hóa	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06/2/2025 của UBND tỉnh An Giang	
60.	Dương Hoàng Vũ	1981	Sở Văn hóa và Thể thao	Báo chí	Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh An Giang	
61.	Võ Văn Dũng	1975	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn hóa, báo chí	Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
62.	Nguyễn Hồng Chí	1972	Sở Văn hóa và Thể thao	Báo chí, thông tin điện tử	Quyết định 962/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	
63.	Trương Bá Trạng	1966	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn hóa	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 29/7/2014 tỉnh An Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề nghị miễn nhiệm
64.	Đào Sĩ Tuấn	1966	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn hóa	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 29/7/2014 tỉnh An Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						nghỉ miễn nhiệm
65.	Bùi Thị Phương Mai	1975	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn hóa	Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 tỉnh An Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề nghị miễn nhiệm
66.	Bùi Công Ba	1978	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn hóa	Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề nghị miễn nhiệm
IV	SỔ TÀI CHÍNH: 39 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 24; chuyển công tác 05; đã nghỉ theo chính sách 178: 10)					
67.	Nguyễn Văn Dũng	1978	Sở Tài chính	Đăng ký kinh doanh; Hợp tác xã	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	
68.	Chau Râm Qui Rút	1985	Sở Tài chính	Đầu tư công	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	
69.	Trần Thanh Diễm	1975	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
70.	Phạm Thị Thiên Thu	1988	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	
71.	Đỗ Ái	1979	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang	
72.	Ngô Sê Al	1980	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	
73.	Danh Chí Tâm	1979	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	
74.	Nguyễn Thị Kim Cúc	1987	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
75.	Phan Hữu Nghị	1988	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
76.	Châu Văn Mạnh	1976	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
77.	Bùi Kim Ngọc	1987	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
78.	Trần Ái Thi	1981	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
79.	Mai Thị Thúy Huỳnh	1989	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
80.	Nguyễn Thị Thúy Hường	1983	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
81.	Lê Thị Lệ Nhi	1986	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
82.	Huỳnh Bích Trân	1989	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
83.	Trang Vũ Em	1980	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
84.	Đinh Ngọc Thanh Tuyền	1981	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
85.	Liêu Anh Kiệt	1984	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
86.	Từ Phú Tiên	1982	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
87.	Trần Phước Hữu	1976	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
88.	Nguyễn Đức Huy	1980	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
89.	Nguyễn Thị Huệ	1973	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
90.	Lê Phát Tân	1990	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
91.	Mai Phạm Trung Hòa	1986	Sở Tài chính	Đấu thầu	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về UBND xã Phú Hòa, tỉnh An Giang (QĐ số 8895/QĐ-SNV, ngày 17/9/2025 của Sở Nội vụ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						tỉnh An Giang)
92.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	1979	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Chuyển công tác về Sở Y tế (Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
93.	Nguyễn Tấn Dương	1974	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Chuyển công tác về Thanh tra tỉnh (Quyết định số 6327/QĐ-SNV ngày 27/6/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang)
94.	Nguyễn Văn Sơn	1978	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	Chuyển công tác về Thanh tra tỉnh (Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 15/8/2025

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						của UBND tỉnh An Giang)
95.	Trần Quang Vinh	1986	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển về xã Hội An, tỉnh An Giang (QĐ số 143/QĐ-STC, ngày 27/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
96.	Huỳnh Thanh Lâm	1975	Sở Tài chính	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ thôi việc từ tháng 9/2025 theo ND 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 239/QĐ-STC, ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang
97.	Trần Sơn Hà	1965	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 3/2025 theo ND 178/2024/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						(Quyết định số 100/QĐ-STC, ngày 28/02/2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang)
98.	Lư Ngọc Thi	1972	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 7/2025 theo ND 178/2024/ND-CP (Quyết định số 442/QĐ-STC, ngày 27/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						Kiên Giang)
99.	Lâm Thanh Nhã	1968	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 04/11/2002 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 7/2025 theo ND 178/2024/ND-CP (Quyết định số 97/QĐ-STC, ngày 28/02/2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang)
100.	Trương Phương Hồng	1972	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						4/2025 theo ND 178/2024/ ND-CP (Quyết định số 198/QĐ- STC, ngày 01/4/2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang
101.	Trần Đình Thư	1963	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 14/04/2017 của UBND tỉnh An Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 01/2025 (Quyết định số 139/QĐ- STC, ngày 01/10/202 4 của Sở

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						Tài chính tỉnh An Giang
102.	Nguyễn Thị Thùy Trang	1970	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ.UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	Nghi hưu trước tuổi từ tháng 5/2025 (Quyết định số 138/QĐ-STC, ngày 25/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang; Đề nghị miễn nhiệm GĐVTP theo đơn đề nghị của cá nhân

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
103.	Nguyễn Công Thuởng	1968	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 8/2025 theo ND 178/2024/ND-CP (Quyết định số 218/QĐ-STC, ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang
104.	Trần Quốc Khanh	1972	Sở Tài chính	Tài chính kế toán	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 8/2025 theo ND 178/2024/ND-CP (Quyết

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						định số 220/QĐ-STC, ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang
105.	Nguyễn Huy Cường	1970	Sở Tài chính	Tài chính	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 9/2025 theo ND 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 981/QĐ-UBND, ngày 10/9/2025 của UBND

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						tỉnh An Giang)
V	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 23 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 21, đã nghỉ theo chính sách 178: 02)					
106.	Đặng Tiến Thịnh	1970	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đo đạc bản đồ	Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh An Giang	Nghi chế độ 178
107.	Nguyễn Thuận Hòa	1989	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang	
108.	Mai Minh Trang Khôi	1983	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	
109.	Lê Văn Thạnh	1990	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
110.	Đỗ Thị Thu Huyền	1983	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
111.	Nguyễn Hoàng Phú	1982	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	
112.	Đặng Hữu thắng	1989	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	
113.	Nguyễn Hoàng Phú	1982	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	
114.	Nguyễn Đình Cự	1980	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa	Quyết định ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
				chất, khoáng sản	pháp	
115.	Huỳnh Tấn Lực	1988	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
116.	Trần Minh Sang	1980	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
117.	Trần Thanh Phong	1981	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
118.	Quảng Thị Dal	1987	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
119.	Lê Thị Kim Thoa	1983	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành trắc địa	Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
120.	Trần Hoàng Thanh	1977	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
121.	Đỗ Mạnh Cường	1986	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
122.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	1988	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
123.	Trần Thị Lương	1989	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
124.	Nguyễn Phước Đạt	1987	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
125.	Võ Đức Linh	1987	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
126.	Mã Út Em	1988	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
127.	Trần Hưng Thịnh	1976	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
128.	Nguyễn Tâm Em	1981	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản	Quyết định số 1174/QĐ.UBND ngày 29/6/2010	Nghỉ chế độ 178

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
129.	Trần Anh Dũng	1967	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản	Quyết định số 1174/QĐ.UB ngày 29/6/2010	Nghỉ chế độ 178
VI	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: 07 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 02, chuyển công tác 05)					
130.	Nguyễn Thanh Hải	1973	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh	
131.	Trần Trung Hiếu	1974	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh An Giang	
132.	Võ Minh Tuấn	1982	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về xã Mỹ Hòa Hưng
133.	Trần Lệ Xuân	1976	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về Trung tâm Công báo – Tin học, VP

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
						UBND tỉnh
134.	Lê Việt Phương	1976	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh An Giang	Nơi công tác Trường CĐ nghề AG
135.	Từ Đỗ Minh Trí	1984	Sở Khoa học và Công nghệ	Công nghệ thông tin	Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 06/11/ 2024 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về phường Mỹ Thới
136.	Võ Quốc Khánh	1986	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Tỉnh ủy An Giang
VII	SỞ XÂY DỰNG: 13 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 13)					

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
137.	Trần Anh Quân	1969	Sở Xây dựng	Xây dựng	Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng An Giang, Sở Xây dựng
138.	Nguyễn Văn Mót	1977	Sở Xây dựng	Xây dựng	Quyết định bổ nhiệm vào ngày 22/9/2008; Thẻ giám định viên tư pháp số 3675/TP-GĐTP ngày 19/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Giám đốc Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng, Sở Xây dựng
139.	Nguyễn Đức Hòa	1979	Sở Xây dựng	Đường bộ	Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
140.	Từ Ngọc Điền	1987	Sở Xây dựng	Đường bộ	Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
					30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
141.	Nguyễn Thiện Bằng	1969	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
142.	Hồ Minh Úc	1967	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
143.	Nguyễn Trung Hiếu	1981	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
144.	Huỳnh Công Tấn	1980	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
145.	Phan Thái Bảo	1987	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
146.	Nguyễn Hoài Nhân	1988	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
					An Giang	
147.	Nguyễn Tấn Khoa	1984	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
148.	Nguyễn Hữu Thái	1982	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
149.	Đàm Văn Hoàng Hiếu	1985	Sở Xây dựng	Giao thông vận tải	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
150.	Nguyễn Phùng Nhật Đăng	1983	Sở Xây dựng	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
151.	Trần Huỳnh Anh	1980	Sở Xây dựng	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
152.	Ngô Thị Phương Thảo	1984	Sở Xây dựng	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
153.	Đỗ Văn Phép	1984	Sở Xây dựng	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
154.	Trần Thị Diễm Quỳnh	1990	Sở Xây dựng	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
155.	Nguyễn Ngọc Ngân Châu	1995	Sở Xây dựng	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
VIII	CHI CỤC HẢI QUAN AN GIANG: 01 GĐVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 01)					

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
156.	Lê Ái Quân	1977	Chi ục Hải quan An Giang	Hải quan	Quyết định số 1845/QĐ-BTC ngày 21/9/2021 của Bộ Tài chính	
IX	THUẾ TỈNH AN GIANG: 43 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 43)					
157.	Đặng Hòa Hiệp	1973	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
158.	Nguyễn Thị Minh Đáo	1990	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
159.	Nguyễn Bảo Huy	1973	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
160.	Triệu Minh Đạt	1965	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
161.	Võ Bá Lộc	1983	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
162.	Lê Thế Nghiệp	1974	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
163.	Nguyễn Văn Quân	1976	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
164.	Ôn Thanh Tuấn	1983	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
165.	Trần Quang Vinh	1975	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
166.	Trần Thanh Tuấn	1973	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
167.	Lê Văn Tâm	1974	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
168.	Nguyễn Văn Lâm	1980	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
169.	Đào Thanh Cần	1984	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
170.	Trần Ích Tuân	1980	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
171.	Đỗ Thị Hằng	1976	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
172.	Nguyễn Công Trí	1976	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
173.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	1983	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
174.	Nguyễn Lê Minh	1980	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
175.	Tô Hoàng Phương	1979	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
176.	Hoàng Thị Dung	1985	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
177.	Nguyễn Thị Huyền Trang	1988	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
178.	Trần Huyền Trang	1989	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
179.	Lê Anh Dũng	1971	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
180.	Trần Hoàng Thành	1974	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
181.	Đinh Đức Thiện	1976	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
182.	Nguyễn Hồng Vân	1977	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
183.	Nguyễn Ngọc Dương	1978	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
184.	Nguyễn Tấn Bình	1973	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
185.	Phan Hoàng Đông	1972	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
186.	Trương Văn Thắng	1971	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
187.	Nguyễn Phước Vinh	1980	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
188.	Phạm Thanh Sơn	1975	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
189.	Phan Lý Cảnh	1976	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
190.	Nguyễn Hoàng Giang	1972	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
191.	Hà Anh Kiệt	1971	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
192.	Nguyễn Văn Hùng	1973	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
193.	Đinh Văn Liêm	1972	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
194.	Nguyễn Hữu Đức	1972	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
195.	Nguyễn Văn Nam	1972	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
196.	Phạm Văn Thuận	1974	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
197.	Nguyễn Hoàng Vũ	1974	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
198.	Lý Hoàng Trọng	1970	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
199.	Châu Thanh Liêm	1976	Thuế tỉnh An Giang	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
X	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC 15: 10 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 10)					
200.	Lê Đỗ Ngọc Đĩnh	1990	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
201.	Nguyễn Minh Đức	1990	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15		Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
				Hoạt động ngân hàng		
202.	Trần Lăng Hoàng Hạc	1984	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
203.	Lê Tiến Lập	1988	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
204.	Nguyễn Thị Thúy Loan	1985	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
205.	Lê Thị Thanh Mai	1973	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
206.	Lưu Nguyễn Bảo Ngọc	1983	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị giám định/ Nơi công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
207.	Trần Thị Tuyết	1988	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
208.	Trần Trọng Triết	1968	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
209.	Nguyễn Bảo Trúc	1975	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 15	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	

D. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
I. SỞ XÂY DỰNG: 03 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 03)						
1.	Nguyễn Thị Hảo	1976	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của UBND tỉnh	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
2.	Nguyễn Thành Nam	1981	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình.	Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
3.	Lê Văn Cẩn	1992	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng. 3. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 5. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình.	Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	
II. SỞ CÔNG THƯƠNG: 07 NGĐTPTVV						
4.	Đỗ Thành Danh	1982	Kỹ sư điện – điện tử; Đại học kinh tế chuyên ngành quản	Quản lý năng lượng về lĩnh vực điện lực	Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
			trị kinh doanh			
5.	Cao Phan Tâm Yên	1984	Kỹ sư công nghệ hóa học; Thạc sỹ phát triển bền vững	Hóa chất	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
6.	Phạm Thị Minh	1976	Đại học Kinh tế chuyên ngành tài chính tín dụng	Công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
7.	Nguyễn Thụy Mai Khanh	1987	Năng lượng	Quản lý nhà nước về quản lý năng lượng	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
8.	Võ Quốc Hùng	1983	Cử nhân Kinh tế	Xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
			ngoại thương		Giang (cũ)	
9.	Hồ Xuân Hoa	1990	Kỹ sư công nghệ sinh học	An toàn thực phẩm lĩnh vực công thương	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
10.	Phan Phước Dur	1987	Vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
III. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC 15: 03 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 03)						
11.	Võ Hồng Nho	1972	Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh An Giang	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 1635/QĐ-NHNN ngày 01/8/2017	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
12.	Phan Huỳnh Vững	1990	Kinh tế, tài chính ngân hàng	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 116/QĐ-ANG ngày 16/8/2021	
13.	Nguyễn Thị Hải Loan	1988	Thạc sĩ tài chính - ngân hàng	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 70/QĐ-ANG ngày 05/5/2022	
IV. SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ: 14 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 14)						
14.	Phạm Thị Lựu	1974	- Ths. Quản trị kinh doanh - Kỹ sư Công nghệ hóa học và thực phẩm	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
15.	Đào Xuân Minh	1986	Ths. Công nghệ thực phẩm	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
16.	Hà Nhật Mai	1994	Cử nhân Quản lý nhà nước	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
17.	Phạm Văn Cao	1987	- Kỹ sư Kỹ thuật môi trường - Ths. Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
18.	Bùi Lê Trung Hiếu	1989	- Cử nhân sư phạm sinh học - Ths Công nghệ sinh học	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
19.	Nguyễn Hữu Dư	1989	- Kỹ sư kỹ thuật điều khiển - Cử nhân luật	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
20.	Nguyễn Thanh Bình	1978	Công nghệ thông tin	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
21.	Trịnh Tú Vân	1977	Công nghệ thông tin	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
22.	Phạm Văn Phúc	1984	Điện-điện tử	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
23.	Lã Ánh Nguyệt	1986	Khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
24.	Nguyễn Đức Thuận	1987	Công nghệ Thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
25.	Phạm Công Gion	1989	Công nghệ Thông tin, chuyển đổi số	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
26.	Lê Thành Minh	1984	Công nghệ Thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
27.	Phạm Nguyễn Phước Tài	1994	Công nghệ thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
					12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
V. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO: 01 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 01)						
28.	Tăng Thành Nhơn	1979	Đại học Công nghệ thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 221/QĐ-STTTT ngày 16/12/2022	
VI. BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH: 02 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 02)						
29.	Châu Hoàng Dũng	1969	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Chế độ bảo hiểm y tế	Quyết định số 307/QĐ-BHXH ngày 31/3/2021 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam	
30.	Lê Thị Bích Vân	1982	Thạc sĩ quản lý kinh tế	Giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội	Quyết định số 307/QĐ-BHXH ngày 31/3/2021 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam	
VII. SỞ TƯ PHÁP: 02 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 02)						
31.	Nguyễn Thị Thúy Vi	1981	Cử nhân Luật	Lĩnh vực Luật sư	Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
					11/12/2024 của UBND tỉnh An Giang	
32.	Nguyễn Hòa hiệp	1986	Cử nhân Luật	Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật	Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh An Giang	
VIII. SỞ Y TẾ: 03 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 03)						
33.	Cửu Mỹ Cúc	1975	Thạc sĩ dược học Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	Dược, mỹ phẩm	Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
34.	Dương Đình Phương	1988	Dược sĩ Chuyên khoa Cấp 1 Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	Dược, mỹ phẩm	Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh	
35.	Châu Khánh An	1971	Dược sĩ Chuyên khoa Cấp 1 Dược lý – Dược lâm sàng	Dược, mỹ phẩm	Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh	
IX	SỞ TÀI CHÍNH: 18 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 18).					
36.	Nguyễn Minh Bảo	1976	Kỹ sư xây dựng	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
37.	Phạm Thành Được	1981	Thạc sĩ xây dựng	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
38.	Lê Thị Lệ Nhi	1986	Cử nhân kế toán	Lĩnh vực quản lý ngân sách	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
39.	Châu Văn Mạnh	1976	Cử nhân tài chính	Lĩnh vực quản lý ngân sách	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
40.	Nguyễn Quốc Khánh	1983	Kỹ sư xây dựng	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
41.	Hồ Ngọc Trinh	1990	Kỹ sư quy hoạch đô thị	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
					23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
42.	Nguyễn Việt Trung	1979	Kỹ sư Xây dựng cầu đường	Đầu tư ngoài ngân sách	Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
43.	Trần Hoài Nam	1974	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán	Quản lý doanh nghiệp; đầu tư ngoài ngân sách	Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
44.	Lê Thị Thùy Trang	1982	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng; Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
45.	Phan Thị Phương Thảo	1991	Thạc sĩ quản lý kinh tế; Cử nhân Tài chính – Ngân hàng	Quản lý doanh nghiệp	Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
46.	Đổng Thị Kim Ngân	1988	Cử nhân Kế toán	Tài chính doanh nghiệp	Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
47.	Nguyễn Thị Thủy Em	1982	Kế toán	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Kinh tế Tài chính - Tín dụng; Hơn 21 năm lĩnh vực Kế toán	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
48.	Trần Đăng Khoa	1984	Kế toán	Thạc sĩ Quản lý kinh tế; Cử nhân Kế toán; Hơn 06 năm lĩnh vực Kế toán	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
49.	Bùi Thanh Hùng	1977	Đầu tư công	Thạc sĩ Quản lý xây dựng; Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp; Hơn 10 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
50.	Mai Thanh Sự	1988	Đầu tư công	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Hơn 14 năm lĩnh vực tài chính (ngân sách)	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
51.	Trần Văn Tấn	1974	Đầu tư công; Đấu thầu	Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh; Hơn 05 năm lĩnh vực Đầu tư công; Đấu thầu	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
52.	Lâm Mỹ Thanh	1987	Đầu tư công	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân kinh tế Tài chính doanh nghiệp; Hơn 12 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
53.	Bùi Thị Phí	1991	Đầu tư công	Cử nhân Tài chính ngân hàng; Hơn 05 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
					19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
54.	Phạm Thị Hải Yến	1988	Đầu tư công	Cử nhân Tài chính tín dụng; Hơn 05 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
55.	Đặng Thành Trung	1991	Kế toán; Đấu thầu	Cử nhân Hành chính học; Cử nhân Kế toán; Hơn 05 năm lĩnh vực Kế toán; Đấu thầu	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
56.	Nguyễn Văn Tèo	1972	Đấu thầu	Kỹ sư Xây dựng; Cử nhân kế toán; Hơn 20 năm lĩnh vực Đấu thầu	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
57.	Ngô Thị Như Quỳnh	1990	Kế toán	Cử nhân Kế toán; Hơn 06 năm lĩnh vực Kế toán, 03 năm lĩnh vực quản lý ngân sách, 06 tháng quyết toán vốn đầu tư	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
58.	Huỳnh Lê Minh Hiền	1987	Đấu thầu	Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp; Hơn 10 năm lĩnh vực Đấu thầu	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
59.	Trần Lương Toàn	1981	Quản lý Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Cử nhân Luật thương mại; Hơn 06 năm lĩnh vực Quản lý Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
60.	Phạm Nguyễn Thiên Kim	1984	Đầu tư	Cử nhân Kinh tế Kế toán; Hơn 09 năm (công tác thẩm định dự án đầu tư ngoài ngân sách) lĩnh vực Đầu tư ngoài ngân sách	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
61.	Huỳnh Tố Lan	1987	Quản lý Doanh nghiệp	Cử nhân Kế toán; Hơn 16 năm lĩnh vực Quản lý Doanh nghiệp	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
62.	Thái Thanh Thy	1983	Quản lý Doanh nghiệp	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế; Cử nhân kinh tế quản trị kinh doanh	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
				quốc tế; Hơn 10 năm lĩnh vực Quản lý Doanh nghiệp	19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
63.	Nguyễn Thanh An	1989	Đầu tư	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ; Hơn 05 năm lĩnh vực Đầu tư	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
64.	Phạm Hữu Tín	1989	Đầu tư công	Cử nhân Kế toán; 14 năm 7 tháng trong lĩnh vực tài chính - ngân sách	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
65.	Huỳnh Tấn Đạt	1991	Kế toán	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Quản trị kinh doanh; 09 năm 4 tháng lĩnh vực tài chính - ngân sách (trong đó 02 năm 08 tháng trong lĩnh vực kế toán)	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
66.	Nguyễn Thành Trí	1980	Kế toán	Cử nhân kinh tế Tài chính Tín dụng; Hơn 13 năm lĩnh vực tài chính ngân sách	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
67.	Phan Lê Loan Thảo	1989	Kế toán	Cử nhân Kế toán; Hơn 13 năm lĩnh vực tài chính - ngân sách	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
68.	Lê Thị Thùy My	1995	Kế toán	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Tài chính - Ngân hàng; Hơn 06 năm lĩnh vực Kế toán (Tài chính Hành chính sự nghiệp)	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
69.	Quách Văn Phụng	1984	Kế toán	Cử nhân kế toán; Hơn 06 năm lĩnh vực Kế toán (quản lý tài chính, hành chính sự nghiệp)	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
70.	Trịnh Thị Ngọc Anh	1987	Kế toán	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Hơn 13 năm lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách nhà nước (chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp)	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
71.	Huỳnh Thị Mộng Tiền	1988	Kế toán	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Hơn 13 năm lĩnh vực quản lý tài chính,	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
				ngân sách nhà nước (chế độ kế toán hành chính sự nghiệp)	19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
72.	Lai Phong Dũ	1979	Kế toán	Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh; Hơn 19 năm lĩnh vực quản lý tài chính (chế độ kế toán hành chính sự nghiệp)	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
73.	Phạm Thị Chúc Xuân	1988	Kế toán	Cử nhân Tài chính ngân hàng; 13 năm 8 tháng lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách nhà nước (chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp)	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
74.	Lê Thị Hậu	1981	Giá	Thạc sĩ Chính sách công; Cử nhân Kế toán; Hơn 20 năm lĩnh vực Kế toán, quản lý giá	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
75.	Võ Thị Bích Ngu	1986	Giá; Tài sản công	Cử nhân Kế toán; Hơn 09 năm lĩnh vực Giá; Tài sản công	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
76.	Nguyễn Hữu Thức	1984	Tài sản công	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Cử nhân Kế toán; Hơn 09 năm lĩnh vực Tài sản công	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
77.	Lâm Kim Ngân	1987	Tài sản công	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Kỹ sư Công nghệ thực phẩm; Hơn 13 năm lĩnh vực Tài sản công	Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
78.	Nguyễn Duy Quang	1987	Đầu tư công; Đấu thầu	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Tài chính – ngân hàng; Kỹ sư Quản lý đất đai ngành Quản lý thị trường bất động sản; Hơn 16 năm lĩnh vực Đầu tư công; Đấu thầu	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
79.	Huỳnh Bá Trung	1977	Đầu tư công	Thạc sĩ Quản lý kinh tế; Kỹ sư Xây dựng Nông thôn; Hơn 20 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
80.	Bùi Tiến Lên	1984	Đầu tư công	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh nông	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
				ngiệp; Hơn 10 năm lĩnh vực Đầu tư công	28/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
81.	Vũ Yến Anh	1982	Đầu tư công	Kỹ sư Kinh tế Xây dựng; Hơn 06 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
82.	Nguyễn Quốc Khánh	1983	Đầu tư công	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Hơn 18 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
83.	Mai Thị Lệ Thủy	1981	Đầu tư công	Thạc sĩ Quản lý xây dựng; Kỹ sư Thủy công đồng bằng; Hơn 05 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
84.	Trần Phú Tâm	1986	Đầu tư công	Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng; Hơn 10 năm lĩnh vực Đầu tư công	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	
X	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 04 NGĐTP TVV (Trong đó: Hiện đang công tác 04).					

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
85.	Huỳnh Hữu Hưng	1983	Lĩnh vực khoáng sản	Cao đẳng khai thác khoáng sản; Đại học Luật; Thạc sĩ Quản lý đất đai. Trên 15 năm công tác ở lĩnh vực khoáng sản. Có kinh nghiệm thực tiễn, có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực khoáng sản.	Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND tỉnh An Giang	
86.	Nguyễn Trần Thuận	1990	Lĩnh vực khoáng sản	Chuyên ngành cử nhân địa chất; được tuyển dụng vào lĩnh vực khoáng sản từ tháng 10/2024. Tuy nhiên, đã có thời gian công tác trong lĩnh vực khảo sát thí nghiệm địa chất từ 2013 đến 2024. (có 11 năm kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực địa chất).	Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND tỉnh An Giang	
87.	Nguyễn Hữu Lộc	1979	Lĩnh vực tài nguyên nước	Cử nhân địa chất; Thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường; Hơn 20 năm lĩnh vực tài nguyên nước.	Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND tỉnh An Giang	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
88.	Nguyễn Văn Tài	1986	Lĩnh vực tài nguyên nước	Kỹ sư Mỏ - Địa chất; Thạc sĩ Quy hoạch và Quản lý tài nguyên nước; Hơn 15 năm lĩnh vực tài nguyên nước.	Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND tỉnh An Giang	

Tổng số: 05 tổ chức giám định và 260 Giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc, cụ thể:

- A. Tổ chức giám định tư pháp công lập: 02 tổ chức.
- B. Tổ giám định tư pháp theo vụ việc: 03 tổ chức.
- C. Giám định viên tư pháp: 209 người (Gồm 10 đơn vị sở, ngành), cụ thể: Công an tỉnh 31; Sở Y tế 26; Sở Văn hóa và Thể thao 09; Sở Tài chính 39; Sở Nông nghiệp và Môi trường 23; Sở Khoa học và Công nghệ 07; Sở Xây dựng 13; Chi cục Hải quan An Giang 01; Thuế Tỉnh An Giang 43; Ngân Hàng Nhà Nước Chi Nhánh Khu Vực 15 10.
- D. Người giám định tư pháp theo vụ việc: 88 người hiện đang công tác, cụ thể: Sở Xây dựng 03; Bảo hiểm xã hội 02; Ngân hàng Nhà nước 03; Sở Văn hóa và Thể thao 01; Sở Khoa học và Công nghệ 14; Sở Công Thương 07; Sở Tư pháp 02; Sở Y tế 03; Sở Tài chính 49; Sở Nông nghiệp và Môi trường 04.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Trịnh Tuấn Ngọc

Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh An Giang

Ban biên tập

Ban Giám đốc

Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh An Giang

Sổ tay điện tử có dung lượng là 2.24 MB. Giấy phép xuất bản số: 1024/GP-SVHTT do Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 10 năm 2026.

Sổ tay điện tử không bán.